**Phụ lục I**

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 6 năm 2025
của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng)*

**1. Thủ tục:** Thành lập Phòng công chứng

**1.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị giảm từ 30 ngày xuống còn 25 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng, Sở Tư pháp đăng báo Trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Công chứng năm 2014.

Lý do: Rút ngắn thời gian triển khai nhằm tăng hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; Không ảnh hưởng đến chất lượng hoặc tính minh bạch của việc công bố; Hoàn toàn khả thi do quy trình đăng báo đã được chuẩn hóa.

**1.2. Kiến nghị thực thi:**

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 20 Luật Công chứng năm 2014 “*Trong thời hạn* ***30 ngày*** *kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về các nội dung sau đây…”* bằng *“Trong thời hạn* ***25 ngày*** *kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về các nội dung sau đây…”.*

- Điều chỉnh thủ tục số 1 (nội dung 1.5) tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.230.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.030.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.3%.

**2. Thủ tục:** Giải thể Phòng công chứng

**2.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị giảm từ 15 ngày xuống còn 10 ngày kể từ Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định giải thể Phòng công chứng, Sở Tư pháp đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về việc giải thể Phòng công chứng.

Lý do: Rút ngắn thời gian triển khai nhằm tăng hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; Không ảnh hưởng đến chất lượng hoặc tính minh bạch của việc công bố; Hoàn toàn khả thi do quy trình đăng báo đã được chuẩn hóa.

**2.2. Kiến nghị thực thi:**

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 21 Luật Công chứng năm 2014 *“…Trong thời hạn* ***15 ngày*** *kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về việc giải thể Phòng công chứng…”* bằng *“…Trong thời hạn* ***10 ngày*** *kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Phòng công chứng, Sở Tư pháp phải đăng báo trung ương hoặc báo địa phương nơi có trụ sở của Phòng công chứng trong ba số liên tiếp về việc giải thể Phòng công chứng…”.*

- Điều chỉnh thủ tục số 2 (nội dung 2.5) tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 625.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 425.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%.

**3. Thủ tục:** Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I

**3.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ:

- Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu: Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện theo quy định tại;

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Lý do: Các thành phần hồ sơ này đã có trên hệ thống khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và thành phần hồ sơ này không phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC.

**3.2. Kiến nghị thực thi:**

- Bỏ điểm d, đ, e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý:

*“…d) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;*

*đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu:*

*Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng I thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;*

*e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có)”*

- Điều chỉnh thủ tục số 4 (nội dung 4.3) tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 130.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 102.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 78.5%.

**4. Thủ tục:** Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II

**4.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

Đề nghị cắt giảm thành phần hồ sơ:

- Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu: Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;

- Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Lý do: Các thành phần hồ sơ này đã có trên hệ thống khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan và thành phần hồ sơ này không phục vụ cho xem xét, giải quyết TTHC.

**4.2. Kiến nghị thực thi:**

- Bỏ điểm d, đ, e khoản 1 Điều 4 Thông tư số 09/2024/TT-BTP ngày 06/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý.

*“…d) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý;*

*đ) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu:*

*Trường hợp xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý hạng II thực hiện theo quy định tại Điều 4 và điểm e khoản 2 Điều 6 Thông tư số 05/2022/TT-BTP;*

*e) Bản sao quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền (nếu có)”.*

- Điều chỉnh thủ tục số 5 (nội dung 5.3) tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 130.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 102.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 78.5%.

**5. Thủ tục:** Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp

**5.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Thời gian giải quyết: Đề nghị giảm từ 17 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc, trong đó thời gian thẩm định của Sở Nội vụ là 06 ngày làm việc; thời gian giải quyết của Sở Tư pháp là 03 ngày; thời gian giải quyết của UBND tỉnh là 06 ngày làm việc.

Lý do: Rút ngắn thời gian triển khai nhằm tăng hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho tổ chức.

**5.2. Kiến nghị thực thi:**

- Điều chỉnh điểm b, c, d khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLTBTP-BNV ngày 11/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

*“b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Trong thời hạn* ***7 (bảy)*** *ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Sở Tư pháp.*

*c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.*

*d) Trong thời hạn* ***7 (bảy****) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp”.*

Bằng

*“b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Trong thời hạn* ***6 (sáu)*** *ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Sở Tư pháp.*

*c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.*

*d) Trong thời hạn* ***6 (sáu)****) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp”*

- Điều chỉnh thủ tục số 7 (nội dung 7.1 và 7.5) tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 720.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 640.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 80.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,1%.

**6. Thủ tục:** Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).

**6.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Triển khai thực hiện Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ quản lý về lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh của Bộ Tư pháp[[1]](#footnote-1), Bộ Công an[[2]](#footnote-2), Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng[[3]](#footnote-3), ngày 18/02/2025, Sở Tư pháp và Công an tỉnh đã ký kết chuyển giao nhiệm vụ Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và dịch vụ công cấp Phiếu LLTP. Từ ngày 01/03/2025, Sở Tư pháp kết thúc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp, chuyển giao nguyên trạng nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp sang Công an tỉnh.

**6.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

- Bãi bỏ thủ tục số 10 Phần I tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 215.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 215.000 đồng/năm.

 Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**7. Thủ tục:** Rà soát, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp phục vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

**7.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Triển khai thực hiện Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ quản lý về lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, ngày 18/02/2025, Sở Tư pháp và Công an tỉnh đã ký kết chuyển giao nhiệm vụ Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và dịch vụ công cấp Phiếu LLTP. Từ ngày 01/03/2025, Sở Tư pháp kết thúc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp, chuyển giao nguyên trạng nhiệm vụ quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp sang Công an tỉnh.

**7.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

- Bãi bỏ thủ tục số 11 Phần I tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 215.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2150.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**8. Thủ tục:** Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

**8.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

Theo Văn bản số 1866/BTP-PLHSHC ngày 09/4/2025 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; khi không còn cấp huyện, bỏ nhiệm vụ công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện; đồng thời kết thúc hoạt động cảu đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

**8.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 *“c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận cấp huyện”;*

- Bãi bỏ Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật “*3. Báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là báo cáo viên pháp luật huyện) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nơi công nhận báo cáo viên pháp luật”.*

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 130.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 130.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**9. Thủ tục:** Miễn nhiệm báo cáo viên cấp huyện

**9.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Miễn nhiệm báo cáo viên cấp huyện do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

Theo Văn bản số 1866/BTP-PLHSHC ngày 09/4/2025 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; khi không còn cấp huyện, bỏ nhiệm vụ công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện; đồng thời kết thúc hoạt động cảu đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện.

**9.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

- Sửa đổi Khoản Điều 4 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật: *“Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Bộ Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Trung ương), Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh),* ***Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật huyện)*** *và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do”* bằng “*Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Bộ Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Trung ương), Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh) và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do”.*

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 130.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 130.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**10. Thủ tục:** Đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

**10.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật do UBND cấp huyện đánh giá cấp xã không còn phù hợp.

**10.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 505.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 505.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**11. Thủ tục:** Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền

**11.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

**11.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 160.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 160.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**12. Thủ tục:** Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

**12.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

**12.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 200.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 200.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**13. Thủ tục:** Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền

**13.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

**13.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 320.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 320.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**14. Thủ tục:** Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện

**14.1. Nội dung đơn giản hóa *(nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)***

- Đề nghị bãi bỏ hoàn toàn thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hôi chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có cấp tỉnh và cấp xã; không còn cấp huyện vì vậy Thủ tục Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo thẩm quyền do UBND cấp huyện thực hiện không còn phù hợp.

**14.2. Kiến nghị thực thi:**

- Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025

- Bãi bỏ thủ tục số 1 Phần II tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2025.

- Lộ trình thực hiện: Quý III năm 2025.

**14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: 240.000 đồng/năm

- Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 240.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN**

**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 6 năm 2025
của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Văn bản quy định TTHC** |
| 1. **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH**
 |  |
| 1 | Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật | Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 |
| 2 | Chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng | Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 |
| 3 | Xét thăng hạng chức danh hỗ trợ nghiệp vụ hạng II |
| 4 | Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh  |
| 5 | Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh |
| 6 | Quyết định danh mục quyết định của UBND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước |
| 7 | Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật  |
| 8 | Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền  |
| 9 | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| 10 | Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền |
| **TỔNG CỘNG: 10 TTHC NỘI BỘ** |

**Phụ lục III**

**BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẮT GIẢM CHI PHÍ THỰC HIỆN**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày tháng 6 năm 2025
của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC[[4]](#footnote-4)** | **Chi phí thực hiện TTHC trước khi ĐGH** | **Chi phí thực hiện TTHC sau khi ĐGH** | **Chi phí** **cắt giảm được** | **Tỷ lệ** **cắt giảm** **chi phí (%)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)/(3)\*100% |
| 1 | thành lập Phòng công chứng | 1.230.000 | 1.030.000 | 200.000 | 16.3 |
| 2 | Giải thể Phòng công chứng | 625.000 | 425.000 | 200.000 | 32 |
| 3 | Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng I | 130.000 | 28.000 | 102.000 | 78.5 |
| 4 | Xét thăng hạng chức danh trợ giúp viên pháp lý hạng II | 130.000 | 28.000 | 102.000 | 78.5 |
| 5 | Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp | 720.000 | 640.000 | 80.000 | 11,1 |
| 6 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam). | 215.000 | 0 | 215.000 | 100 |
| 7 | Rà soát, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp phục vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. | 215.000 | 0 | 215.000 | 100 |
| 8 | Công nhận báo cáo viên cấp huyện | 130.000 | 0 | 130.000 | 100 |
| 9 | Miễn nhiệm báo cáo viên cấp huyện | 130.000 | 0 | 130.000 | 100 |
| 10 | Đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | 505.000 | 0 | 505.000 | 100 |
| 11 | Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật theo thẩm quyền  | 160.000 | 0 | 160.000 | 100 |
| 12 | Rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, xử lý/kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật | 200.000 | 0 | 200.000 | 100 |
| 13 | Hệ thống hóa, công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền  | 320.000 | 0 | 320.000 | 100 |
| 14 | Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện | 240.000 | 0 | 240.000 | 100 |
| **Tổng** | **4.950.000** | **2.151.000** | **2.799.000** | **56.54** |

1. Văn bản số 454/BTP-TCCB ngày 24/01/2025 của Bộ Tư pháp về chuyển giao nhiệm vụ lý lịch tư pháp tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh; Văn bản số 91/TTLLTPQG-HCTP ngày 26/02/2025 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn ban giao nhiệm vụ Quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp (LLTP) và dịch vụ công cấp Phiếu LLTP về Công an cấp tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. Kế hoạch số 66/KH-BCA ngày 11/02/2025 của Bộ Công an về việc tiếp nhận chuyển giao nhiệm vụ chuyển giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về Lý lịch tư pháp và thực hiện dịch vụ công cấp Phiếu lý lịch tư pháp từ Bộ Tư pháp về Bộ Công an. [↑](#footnote-ref-2)
3. Văn bản 1480/UBND-NC1 ngày 18/02/2025 về chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ quản lý về lý lịch tư pháp từ Sở Tư pháp sang Công an tỉnh; Văn bản 1870/UBND-HCC ngày 26/02/2025 về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính khi sắp xếp tổ chức bộ máy. [↑](#footnote-ref-3)
4. Các TTHC nội bộ tại Phụ lục I [↑](#footnote-ref-4)